TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Quang Thị Thùy Ly – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Duy – Kiểm sát viên**.**

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 922/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số A đường A, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A đường A, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P quen biết tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 190 quyển số 01/2006 ngày 28/11/2006. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc thì đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Đã nhiều lần đôi bên tự hòa giải mâu thuẫn nhưng không thể hòa hợp được tính cách, mâu thuẫn vẫn kéo dài. Việc mâu thuẫn giữa bà và ông P là việc riêng của hai vợ chồng nên bà không cho ai biết, cũng không nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng A sinh ngày 14/10/2007 và Nguyễn Lan A1 sinh ngày 13/12/2016. Bà đồng ý giao 02 con chung cho ông P được nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn – ông Nguyễn Văn P trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án cũng không nộp bản khai trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn – ông Nguyễn Văn P hiện đang cư trú tại số A đường A, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu T đã có bản khai trình bày ý kiến của mình và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn P đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không cung cấp bản khai trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông P chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 190 quyển số 01/2006 ngày 28/11/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn có quan hệ tình cảm với người khác, tính tình đôi bên không hòa hợp, không tin tưởng nhau; đôi bên đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm ra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã mở phiên hòa giải đoàn tụ để các bên hàn gắn tình cảm, cũng như các Quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên toà. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm, cũng như không tạo điều kiện để Tòa án hoà giải hàn gắn tình cảm hai bên theo luật định. Xét thấy, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, đôi bên đã sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà T trình bày có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 14/10/2007 và Nguyễn Lan A1, sinh ngày 13/12/2016. Nhận thấy, bà T đề nghị giao hai con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề này. Hiện nay hai cháu Hồng A va Lan A1 đang sống ổn định với ông P, mặc khác cả hai cháu Hồng A va Lan A1 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông P khi cha mẹ ly hôn. Do vậy để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học hành cũng như tâm sinh lý phát triển bình thường của

các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu Hồng A và Lan A1 cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn có cơ sở.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không cấp dưỡng nuôi con. Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 190 quyển số 01/2006 ngày 28/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T, ông P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 14/10/2007 và Nguyễn Lan A1, sinh ngày 13/12/2016 cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0015998 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã An Nhơn Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo